TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2018
V/v tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân.

2. Ông Thái Công Sết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kha Thị Hàn Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 888, ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp PL, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Kha Thị Hàn Th trình bày:

Vào năm 1998, thông qua mai mối nên bà và ông Nguyễn Thanh L tổ chức lễ cưới chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên bà đã bỏ đi kể từ đó chính thức ly thân cho đến nay. Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng bà với ông L có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Quý, sinh ngày 16/02/1999 đã thành niên và tự lập được. Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông L.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày: Về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng và thời gian vợ chồng ly thân hoàn toàn thống theo trình bày của bà Th. Tuy nhiên ông cho rằng vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà Th.

Theo Văn bản xác nhận số 17/XN-UBND ngày 08/3/2018 của UBND xã PL, huyện Phú Tân và Văn bản xác nhận số 10/XN-UBND ngày 12/3/2018 của UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân đều xác nhận là không có lưu trữ tàng thư hộ tịch kết hôn của ông Nguyễn Thanh L và bà Kha Thị Hàn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông L với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp PL, xã PL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L với bà Th thông qua mai mối tổ chức lễ cưới và trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, theo xác nhận của UBND xã PL, huyện Phú Tân và UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân thì hiện tại ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông L và bà Th là vợ chồng.

Về con chung: Bà Th và ông L xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 16/02/1999 đã thành niên và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Ông L, bà Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Th yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016586 ngày 28/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh L và Kha Thị Hàn Th là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số số 0016586 ngày 28/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã PL;
- Lưu.